

Bản án số: 246/2026/HS-ST
Ngày: 22/05/2026

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Nghĩa Hải

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cờ, ông Lê Bá Lung

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc H - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 145/2026/TLST-HS ngày 24/03/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2026/QĐXXST-HS, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2026/HSST-QĐ ngày 28/04/2026 đối với bị cáo:

Lò Văn H1, sinh ngày 12/01/1997 (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam.

Nơi thường trú và cư trú: Bản H, phường C, tỉnh Sơn La.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Lò Văn X - sinh năm 1974 và con bà: Lò Thị Đ - sinh năm 1974; A, chị, em ruột: Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ hai. D chỉ bản số 104 do Phân trại tạm giam Nghĩa Đ1 - Hà Nội lập ngày 25/12/2025.

Nhân thân: Ngày 25/4/2024 bị TAND TP Sơn La, tỉnh Sơn La xử phạt 15 tháng tù theo Bản án số 61/2024/HS-ST về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị can bị bắt truy nã ngày 24/12/2025, bị tạm giữ và tạm giam từ ngày 25/12/2025. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố H.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1- Chị Bùi Thị P, sinh năm 2000;

Nơi thường trú và cư trú: thôn V, xã Y, huyện L (nay là xã Y), tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

2- Chị Phan Thị Thu P1, sinh năm 1997;

Nơi thường trú và cư trú: Khu D, thành phố M (nay là phường M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

3- Chị Lò Thị Thu T, sinh năm 1997;

Nơi thường trú và cư trú: Bản N, phường C, thành phố S (nay là phường C), tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

4- Chị Nguyễn Thị Cẩm H2, sinh năm 1994;

Nơi thường trú và cư trú: thôn D, xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

5- Anh Trần Quang A, sinh năm 1995;

Nơi thường trú và cư trú: Số G ngách C H, phường Ô, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

6- Anh Bùi Hà Huy C, sinh năm 1996;

Nơi thường trú và cư trú: Lô E khu dân cư T, phường L, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa.

7- Bà Trần Thị N, sinh năm 1961;

Nơi thường trú và cư trú: số A K, phường B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 19/12/2020, Công an phường Ô tiến hành kiểm tra hành chính tại khách sạn P3 (địa chỉ số G ngách C H, phường Ô, Đ, Hà Nội - nay là phường Ô, Hà Nội). Qua kiểm tra, Cơ quan Công an nghi vấn Bùi Thị P (sinh năm 2000, trú tại thôn V, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa, nay là xã Y, tỉnh Thanh Hóa) bán dâm cho Nguyễn Ngọc H3 (sinh năm: 1985, trú tại: E B, phường Q, Đ, Hà Nội, nay là phường V - Q, Hà Nội) tại phòng 301 của khách sạn P3. Cơ quan điều tra đã yêu cầu Bùi Thị T1, Nguyễn Ngọc H3 và những người liên quan gồm: Trần Quang A (sinh năm 1995, Trú tại: Số G ngách C H, Ô, Đ, Hà Nội), Bùi Hà Huy C (sinh năm 1996, HKTT: Số C, P, TP H) là lễ tân của khách sạn P3; Phan Thị Thu P1 (sinh năm 1997, trú tại Khu D, thành phố M, Quảng Ninh, nay là phường M, tỉnh Quảng Ninh), Lò Thị Thu T (sinh năm 1997, trú tại Bản N, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La, nay là phường C, tỉnh Sơn La), Nguyễn Thị Cẩm H2 (sinh năm 1994, trú tại D, xã T, huyện T, Thanh Hóa, nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa) và Lò Văn H1 (sinh năm 1996, HKTT: Bản H, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La, nay là phường C, tỉnh Sơn La) cùng ở tại phòng 701 của khách sạn P3 về trụ sở để làm việc.

Cơ quan Công an đã thu giữ của Lò Văn H1 01 quyển sổ màu đen, ghi chép, thống kê số tiền thu được từ việc gái bán dâm đi bán dâm cho người mua dâm và số tiền chi tiêu hàng ngày cho các gái bán dâm.

Tại bản Kết luận giám định số 2693/KLGD-PC09-Đ3 của phòng K - Công an thành phố H, kết luận:

1. Chữ viết, chữ số trong phần được khoanh bằng mực màu đỏ trên mẫu cần giám định ký hiệu A với chữ viết, chữ số đứng tên Lò Văn H1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là chữ do cùng một người viết ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết, chữ số trong phân được khoanh bằng mực màu xanh trên các mẫu cần giám định ký hiệu A với chữ viết, chữ số đứng tên Lò Văn H1 trên các mẫu cần so sánh ký hiệu M1, M2 có phải là chữ do cùng một người viết ra hay không.

3. Chữ viết, chữ số trên mẫu cần giám định ký hiệu A (trừ phần chữ viết, chữ số đã nêu tại kết luận 1, 2) với chữ viết, chữ số đứng tên Lò Văn H1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải là chữ do cùng một người viết ra.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc H3, khai nhận: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 19/12/2020, Ngọc H3 đăng nhập trang checkerviet để tìm gái bán dâm. Ngọc H3 gọi đến số điện thoại 0877635213 với nghệ danh “Bảo Anh” để mua dâm. Một người phụ nữ bảo Ngọc H3 đến khách sạn P3 đặt phòng và thông báo lại. Ngọc H3 thuê phòng 301 khách sạn P3, rồi nhắn tin đến số điện thoại 0877635213 thông báo số phòng. Khoảng 10 phút sau, Bùi Thị T1 vào phòng 301 gặp Ngọc H3 rồi quan hệ tình dục. Sau khi quan hệ tình dục xong, H3 trả cho T1 là 600.000 đồng tiền mua dâm. T1 ra khỏi phòng. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày Ngọc H3 trả phòng thì bị Cơ quan Công an kiểm tra hành chính.

Tại Cơ quan điều tra Bùi Thị T1, khai nhận: Chiều ngày 19/12/2020, M nhắn tin qua zalo cho Lò Thị Thu T bảo Bùi Thị T1 đến tại phòng 301 của khách sạn P3 để bán dâm cho người mua dâm với giá 300.000 đồng. T1 đi đến phòng 301 và bán dâm cho Nguyễn Ngọc H3. Sau khi bán dâm xong, T1 được Nguyễn Ngọc H3 trả tiền mua dâm là 600.000 đồng (trong đó 300.000 đồng tiền bán dâm và 300.000 đồng tiền thưởng). Thương quen biết M qua mạng xã hội facebook và được M bảo đến ở tại phòng 701 của khách sạn P3 để thuận tiện cho việc bán dâm tại khách sạn.

Tại Cơ quan điều tra Lò Thị Thu T, Nguyễn Thị Cẩm H2, Phan Thị Thu P1, khai nhận: Lò Thị Thu T, Nguyễn Thị Cẩm H2, Phan Thị Thu P1 được M bố trí, sắp xếp ở tại phòng 701 của khách sạn P3 để chờ M1 điều đi bán dâm cho người mua dâm. M đưa Lò Thị Thu T, Nguyễn Thị Cẩm H2, Phan Thị Thu P1 đi chụp ảnh khỏa thân của họ đưa lên trang mạng CHECKERVIET và kèm số điện thoại của M để người mua dâm liên lạc với M. Người mua dâm thông tin số phòng cho M để M thông tin cho Lò Thị Thu T, Nguyễn Thị Cẩm H2, Phan Thị Thu P1 để đến bán dâm cho người mua. Tiền bán dâm đưa về cho Lò Văn H1 để Lò Văn H1 ghi chép vào sổ số lượt mua dâm của từng gái bán dâm rồi tổng hợp đưa lại cho M.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Lò Thị Thu T, Nguyễn Thị Cẩm H2, Phan Thị Thu P1, Bùi Thị T1, Lò Văn H1 và Bùi Hà Huy C1 nhận dạng qua ảnh đối tượng Trần Thị Thanh M1 (sinh năm 1978, HKTT: Số C đường M, phường M, quận N, Hải Phòng - nay là số C đường M, phường N, thành phố Hải Phòng). Tất cả đều nhận được Trần Thị Thanh M1 chính là M.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng tháng 12/2020 Trần Thị Thanh M1 (tên thường gọi là M) đã tuyển các gái mại dâm là Bùi Thị P, Phan Thị Thu P1, Lò Thị Thu T, Nguyễn Thị Cẩm H2 thực hiện mua bán dâm tại khách sạn P3 với thỏa thuận số tiền thu được từ việc bán dâm chia đôi, mỗi bên một nửa. M1 đưa các gái mại dâm đi chụp ảnh khỏa thân rồi đăng lên mạng CHECKERVIET, kèm theo số điện thoại 0877635213 do M1 quản lý để người mua dâm liên hệ. Khi có người mua dâm, M1 thông tin số phòng và giá tiền để các gái bán dâm đến và bán dâm cho người mua dâm. M1 thuê

Lò Văn H1 làm quản lý, ghi chép sổ sách, tổng hợp tiền của các gái bán dâm với mức lương là 200.000 đồng/01 ngày. Từ ngày 09/12/2020 M1 hướng dẫn 04 gái bán dâm trên và H1 lần lượt đến thuê, ăn, ở tại phòng 701, khách sạn P3 do Trần Thị N (sinh năm 1961, trú tại số A K, phường B, H) làm chủ.

Từ ngày 09/12/2020 đến ngày 19/12/2020 qua môi giới của Trần Thị Thanh M1 các gái bán dâm là Phan Thị Thu P1, Lò Thị Thu T, Nguyễn Thị Cẩm H2, Bùi Thu P2 đã đi bán dâm cho người mua dâm tại khách sạn P3 rồi về đưa tiền bán dâm cho Lò Văn H1 để ghi chép vào sổ sách, như sau:

- Ngày 09/12/2020 Bùi Thị T1 bán dâm tại phòng 302 với giá 300.000 đồng và Lò Thị Thu T bán dâm tại phòng 702 với giá 500.000 đồng. Sau đó mang tiền về đưa cho Lò Văn H1 với tổng tiền là 800.000 đồng.

- Ngày 10/12/2020 Lò Thị Thu T bán dâm tại phòng 202 với giá 300.000 đồng, tại phòng 302 với giá 400.000 đồng, tại phòng 403 với giá 400.000 đồng và tại phòng 503 với giá 300.000 đồng. Bùi Thị T1 bán dâm tại phòng 501 với giá 300.000 đồng và tại phòng 301 với giá 300.000 đồng. Tổng tiền gái bán dâm đã bán dâm thu được đưa cho Lò Văn H1 là 2.400.000 đồng

- Ngày 11/12/2020 Lò Thị Thu T bán dâm tại phòng 302 ba lần (trong đó hai lần bán dâm với giá 400.000 đồng và một lần bán dâm với giá 300.000 đồng), tại phòng 502 với giá 400.000 đồng, tại phòng 102 với giá 400.000 đồng, tại phòng 201 với giá 400.000 đồng; Bùi Thị T1 bán dâm tại phòng 301 ba lần mỗi lần 300.000 đồng; Nguyễn Thị Cẩm H2 bán dâm tại phòng 302 với giá 500.000 đồng, tại phòng 402 với giá 400.000 đồng, tại phòng 401 với giá 400.000 đồng; Gái bán dâm tên L (chưa rõ) bán dâm tại phòng 301 với giá 400.000 đồng.

Tổng tiền gái bán dâm đã bán dâm thu được đưa cho Lò Văn H1 là 4.900.000 đồng

- Ngày 12/12/2020 Bùi Thị T1 bán dâm tại phòng 501 với giá 400.000 đồng, tại phòng 401 hai lần mỗi lần với giá 300.000 đồng và 501 với giá 500.000 đồng; Gái bán dâm tên T2 (chưa rõ) bán dâm tại phòng 602 với giá 300.000 đồng, tại phòng 401 với giá 300.000 đồng, tại phòng 602 với giá 500.000 đồng; Lò Thị Thu T bán dâm tại phòng 502 với giá 400.000 đồng, tại phòng 401 với giá 300.000 đồng, tại phòng 301 với giá 500.000 đồng, tại phòng 101 với giá 500.000 đồng, tại phòng 602 với giá 300.000 đồng và tại phòng 301 với giá 400.000 đồng; Nguyễn Thị Cẩm H2 bán dâm tại phòng 401 với giá 500.000 đồng, tại phòng 401 với giá 500.000 đồng, tại phòng 402 với giá 400.000 đồng, tại phòng 502 với giá 500.000 đồng.

Tổng tiền gái bán dâm đã bán dâm thu được đưa cho Lò Văn H1 là 6.900.000 đồng

- Ngày 13/12/2020 gái bán dâm tên L (chưa rõ) bán dâm tại phòng 502 với giá 400.000 đồng, tại phòng 401 với giá 400.000 đồng, tại phòng 301 với giá 400.000 đồng; Nguyễn Thị Cẩm H2 bán dâm tại phòng 301 hai lần mỗi lần với giá 500.000 đồng, tại phòng 401 với giá 400.000 đồng, tại phòng 501 với giá 400.000 đồng; Bùi Thị T1 bán dâm tại phòng 301 với giá 300.000 đồng, tại phòng 501 với giá 300.000 đồng, tại phòng 401 với giá 300.000 đồng, tại phòng 501 với giá 300.000 đồng; Lò Thị Thu T bán dâm tại phòng 302 với giá 300.000 đồng.

Tổng số tiền các gái bán dâm đã bán dâm thu được đưa cho Lò Văn H1 là 4.500.000 đồng

- Ngày 14/12/2020 Bùi Thị T1 bán dâm qua đêm với giá 1.500.000 đồng; Lò Thị Thu T bán dâm tại phòng 602 với giá 400.000 đồng, tại phòng 501 với giá 300.000 đồng, tại phòng 301 với giá 400.000 đồng; Gái bán dâm tên L (chưa rõ) bán dâm tại phòng 301 với giá 500.000 đồng.

Tổng số tiền gái bán dâm đã bán dâm thu được đưa cho Lò Văn H1 là 3.100.000 đồng

- Ngày 15/12/2020 Lò Thị Thu T bán dâm tại phòng 402 với giá 400.000 đồng, tại phòng 302 với giá 400.000 đồng, tại phòng 301 với giá 400.000 đồng; Gái bán dâm tên L (chưa rõ) bán dâm tại phòng 501 với giá 400.000 đồng; Nguyễn Thị Cẩm H2 bán dâm tại phòng 401 với giá 300.000 đồng.

Tổng số tiền các bán dâm đã bán dâm thu được đưa cho Lò Văn H1 là 1.900.000 đồng

- Ngày 16/12/2020 gái bán dâm tên L bán dâm tại phòng 601 với giá 400.000 đồng; Bùi Thị H4 bán dâm với giá 300.000 đồng; Lò Thị Thu T bán dâm tại phòng 301 hai lần mỗi lần 300.000 đồng.

Tổng số tiền các gái bán dâm đã bán dâm thu được đưa cho Lò Văn H1 là 1.300.000 đồng

- Ngày 17/12/2020 gái bán dâm tên L bán dâm tại phòng 401 với giá 400.000 đồng, tại phòng 501 với giá 400.000 đồng; Bùi Thị T1 bán dâm tại phòng 301 với giá 300.000 đồng; Lò Thị Thu T bán dâm tại phòng 301 với giá 400.000 đồng, tại phòng 402 với giá 400.000 đồng; Phan Thị Thu P1 bán dâm tại phòng 402 với giá 400.000 đồng, tại phòng 301 với giá 400.000 đồng.

Tổng số tiền các bán dâm đã bán dâm thu được đưa cho Lò Văn H1 là 2.700.000 đồng.

- Ngày 18/12/2020 Bùi Thị T1 bán dâm tại phòng 401 với giá 300.000 đồng, tại phòng 302 với giá 300.000 đồng, tại phòng 401 với giá 300.000 đồng; Lò Thị Thu T bán dâm tại phòng 301 với giá 300.000 đồng, tại phòng 401 với giá 400.000 đồng, tại phòng 201 với giá 400.000 đồng, tại phòng 401 với giá 400.000 đồng; Phan Thị Thu P1 bán dâm tại phòng 601 với giá 500.000 đồng, tại phòng 302 với giá 400.000 đồng, tại phòng 301 với giá 300.000 đồng, tại phòng 301 với giá 300.000 đồng.

Tổng số tiền các gái bán dâm đã bán dâm thu được đưa cho Lò Văn H1 là 3.900.000 đồng

- Ngày 19/12/2020 gái bán dâm tên L bán dâm tại phòng 601 với giá 500.000 đồng và đưa về cho Lò Văn H1.

Khoảng 14 giờ ngày 19/12/2020 Nguyễn Ngọc H3 (sinh năm 1985, trú tại: E B, phường Q, Đ, Hà Nội, nay là phường V - Q, Hà Nội) đăng nhập trang Web “CHECKERVIET” để tìm gái mua dâm. Nguyễn Ngọc H3 đã tìm thấy bài đăng có gái bán dâm, tên nghệ danh là “Bảo Anh”, có số điện thoại 0877635213. Nguyễn Ngọc H3 sử dụng số điện thoại 0966040455 liên lạc với số điện thoại 0877635213 trên bài đăng đề vãn đề mua dâm thì được một người nữ giới đồng ý và hướng dẫn Nguyễn

Ngọc H3 đến khách sạn P để thuê phòng. Nguyễn Ngọc H3 đến khách sạn P3 và được Trần Quang A (sinh năm 1995, trú tại xóm T, xã L, tỉnh Nghệ An) là nhân viên Lễ tân phòng 301 đề nghị. Sau khi lên phòng, Nguyễn Ngọc H3 đã nhắn tin thông báo cho cô gái sử dụng số điện thoại 0877635213 về số phòng. Khoảng 10 phút sau, Bùi Thị T1 (có tên nghệ nhân là “Bảo A1”) đến phòng 301 gặp Nguyễn Ngọc H3 và quan hệ tình dục. Sau khi quan hệ tình dục xong, Nguyễn Ngọc H3 trả cho T1 số tiền là 600.000 đồng (trong đó 300.000 đồng tiền mua dâm và 300.000 đồng tiền thưởng) rồi T1 ra khỏi phòng. Đến khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày (19/12/2020) Nguyễn Ngọc H3 xuống trả phòng thì bị Công an phường Ô kiểm tra hành chính và yêu cầu về trụ sở để làm rõ. Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Ngọc H3 đã khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 18/12/2020 Lò Văn H1 đã thu tiền của các gái bán dâm và tổng hợp cho M1 số tiền 3.100.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Lò Văn H1 đã thành khẩn, khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với vật chứng thu giữ và lời khai của các gái bán dâm Phan Thị Thu P1, Lò Thị Thu T, Nguyễn Thị Cẩm H2, Bùi Thu P2.

Vật chứng của vụ án:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ những đồ vật, tài sản sau:

- Thu giữ của Lò Văn H1: 01 quyển sổ màu đen ghi chép, thống kê số tiền thu được từ việc các gái bán dâm đã đi bán dâm cho người mua dâm và số tiền chi tiêu hàng ngày cho các gái bán dâm.

- Thu giữ của Lò Thu T: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo, màu đen, đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Bùi Thị T1 số tiền 600.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 34/CT-VKSKV2, ngày 23/03/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội đã truy tố Lò Văn H1 về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và luận tội có quan điểm: vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Bị cáo Lò Văn H1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 328; s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn H1 4 năm tù đến 4 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2025.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại Vivo là phương tiện T sử dụng để liên lạc với Trần Thị Thanh M1 nhằm mục đích mua bán dâm nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; số tiền 600.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ hoạt động mua bán dâm nên tịch thu sung công quỹ nhà nước. Đối với số tiền 32.900.000 đồng bị cáo Lò Văn H1 chưa hưởng lợi sẽ được tách ra xử lý khi giải quyết vụ án đối với Trần Thị Thanh M1.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố H; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với Trần Thị Thanh M1 đã có Quyết định khởi tố bị can số 4035/QĐ-CSHS ngày 05/12/2025 và Quyết định tách vụ án hình sự số 7710/QĐ-CSHS ngày 26/2/2026 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an Thành phố H nên không xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Những căn cứ xác định tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Từ ngày 09/12/2020 đến ngày 19/12/2020 Trần Thị Thanh M1 đã nhiều lần môi giới mai dâm để Bùi Thị P (sinh năm 2000, trú tại thôn V, xã Y, tỉnh Thanh Hóa), Phan Thị Thu P1 (sinh năm 1997, trú tại Khu D H, phường M, tỉnh Quảng Ninh), Lò Thị Thu T (sinh năm 1997, trú tại Bản N, phường C, tỉnh Sơn La), Nguyễn Thị Cẩm H2 (sinh năm 1994, trú tại D, xã T, tỉnh Thanh Hóa) đi bán dâm cho người mua dâm tại khách sạn P3 (địa chỉ số G ngách C H, phường Ô, Hà Nội) do bà Trần Thị N (sinh năm 1961; Nơi cư trú: số A K, phường B, thành phố Hà Nội) làm chủ, Trần Quang A (sinh năm 1995; Nơi cư trú: Số G ngách C H, phường Ô, thành phố Hà Nội) và Bùi Hà Huy C (sinh năm 1996; Nơi cư trú: Lô E khu dân cư T, phường L, thành phố Hải Phòng) là nhân viên được bà N thuê để quản lý khách sạn. Sau khi bán dâm, các gái bán dâm mang tiền về đưa cho Lò Văn H1 để ghi chép vào sổ sách và tổng hợp đưa lại cho M1.

Khoảng 14 giờ ngày 19/12/2020 Trần Thị Thanh M1 đã môi giới cho Bùi Thị P đến phòng 301 Khách sạn P3 để bán dâm cho Nguyễn Ngọc H3 (sinh năm 1985, trú tại: E B, phường V - Q, Hà Nội) với giá 300.000 đồng. Sau khi bán dâm xong, Nguyễn Ngọc H3 trả cho T1 số tiền 600.000 đồng (trong đó 300.000 đồng tiền bán dâm và 300.000 đồng tiền thưởng). T1 chưa kịp đưa tiền về cho Lò Văn H1 để tổng hợp vào sổ sách thì bị Công an phường Ô kiểm tra, phát hiện, thu giữ.

Lò Văn H1 có hành vi giúp sức cho Trần Thị Thanh M1 ghi chép sổ sách và thu tiền bán dâm, H1 được trả công 200.000 đồng/ngày. Từ ngày 09/12/2020 đến ngày 19/12/2020, H1 nhiều lần giúp sức Trần Thị Thanh M1 thực hiện hoạt động trung gian, bố trí các gái bán dâm, thu lợi tổng cộng 32.900.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Lò Văn H1 đã phạm tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại tới chính sách phòng chống tệ nạn xã hội, trật tự an toàn xã hội, thuần phong mỹ tục của dân tộc và là tác nhân gây ra nhiều căn bệnh xã hội nguy hiểm. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, đối với bị cáo cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm minh để đảm bảo tính giáo dục đối với bị cáo và làm bài học ngăn ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo Lò Văn H1 bị xử 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2024 theo Bản án số 61/2024/HS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La về hành vi phạm tội xảy ra ngày 20/01/2024. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù của Bản án này vào ngày 25/02/2025 theo Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 324/GCN của Trại giam T3.

Đối với hành vi phạm tội lần này xảy ra ngày 19/12/2020 (trước thời điểm bị bắt và xét xử theo Bản án nêu trên), bị bắt theo lệnh truy nã, hành vi trước nhưng xét xử sau. Đối với hành vi phạm tội theo Bản án số 61/2024/HS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La được xác định là nhân thân chứ không xác định là tiền án.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa nói chung.

[6] Đối tượng khác: Đối với Bùi Thị T1, Nguyễn Ngọc H3 đã bị Công an Quận Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 72458 ngày 29/01/2021 và Quyết định số 32/QĐ-XPHC ngày 23/01/2021.

Đối với đối tượng Trần Thị Thanh M1 đã có 01 tiền án về tội đánh bạc và hiện đang bỏ trốn. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có Quyết định truy nã số 70647 ngày 13/12/2025 và đã có Quyết định tách vụ án hình sự số 7710/QĐ-CSHS ngày 26/2/2026 để làm rõ đối với Trần Thị Thanh M1 và Bùi Hà Huy C là hoàn toàn phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài

liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của Lò Thị Thu T 01 điện thoại Vivo, màu đen, đã qua sử dụng và 600.000 đồng tiền mặt.

Xét thấy 01 điện thoại Vivo là phương tiện T sử dụng để liên lạc với Trần Thị Thanh M1 nhằm mục đích mua bán dâm nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Xét thấy số tiền 600.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ hoạt động mua bán dâm nên tịch thu sung công quỹ nhà nước. Đối với số tiền 32.900.000 đồng bị cáo Lò Văn H1 chưa hưởng lợi sẽ được tách ra xử lý khi giải quyết vụ án đối với Trần Thị Thanh M1.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Lò Văn H1 phạm tội “Môi giới mại dâm”.

1- Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 328, điểm s khoản 1 điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lò Văn H1 4 (bốn) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2025.

2- Về hình phạt bổ sung: không.

3- Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra nội dung và chất lượng bên trong.

Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 270 ngày 3 tháng 4 năm 2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Thành phố Hà Nội.

3.2. Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 600.000 đồng tại tài khoản số 3949.0.1054168 tại Kho bạc nhà nước: KV1-PGD10 đứng tên Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 27 tháng 03 năm 2026.

4- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Lò Văn H1 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKS ND khu vực 2 - Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Hà Nội;
- Lưu HS - VP.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Nghĩa Hải